

Số: 2530/QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 22 tháng 11 năm 2018

CÔNG TY TNHH MTV THÔNG TIN ĐIỆN TỬ HÀNG HẢI VIỆT NAM
<b>CÔNG VĂN ĐẾN</b>
Số:.....905.....
Ngày: 30...tháng...11...năm...2018.

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2019 - 2020;  
Danh mục dự án đầu tư phát triển 5 năm giai đoạn 2016-2020; Danh mục  
dự án đầu tư nhóm A, B hằng năm của Công ty TNHH một thành viên  
Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam**

**BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ về việc phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp;

Căn cứ Luật số 69/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1054/QĐ-TTg ngày 26/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch phát triển Hệ thống thông tin duyên hải Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2499/QĐ-BGTVT ngày 13/7/2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt kế hoạch triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển Hệ thống thông tin duyên hải Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 3245/QĐ-BGTVT ngày 17/10/2016 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt Chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm giai đoạn 2016-2020; Danh mục các dự án đầu tư nhóm A, B hằng năm của Công ty TNHH một thành viên Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam;

Xét đề nghị của Công ty TNHH một thành viên Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam tại Công văn số 2732/VISHIPEL-KHĐT ngày 18/9/2018, báo cáo giải trình bổ sung tại Công văn số 3281/VISHIPEL-KHĐT ngày 06/11/2018, Công văn số 3284/VISHIPEL-KHĐT ngày 06/11/2018;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý doanh nghiệp,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2019-2020 của Công ty TNHH một thành viên Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam; Danh mục dự án đầu tư phát triển 5 năm giai đoạn 2016-2020 tại Phụ lục I; Danh mục các dự án đầu tư nhóm A, B hằng năm tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 3245/QĐ-BGTVT ngày 17/10/2016 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt Chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm giai đoạn 2016-2020; Danh mục các dự án đầu tư nhóm A, B hằng năm của Công ty TNHH một thành viên Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam, chi tiết tại phụ lục đính kèm.

**Điều 2.** Các Điều, Khoản, nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 3245/QĐ-BGTVT ngày 17/10/2016 của Bộ Giao thông vận tải.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Chủ tịch và Tổng giám đốc Công ty TNHH một thành viên Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam, Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các đ/c Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư;
- Công đoàn Giao thông vận tải VN;
- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam;
- Lưu VT, QLDN (06b).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Nguyễn Văn Công**

**PHỤ LỤC I**  
**ĐIỀU CHỈNH DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2016-2020**  
**CỦA CÔNG TY TNHH MTV THÔNG TIN ĐIỆN TỬ HÀNG HẢI VIỆT NAM**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2530/QĐ-BGTVT ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Bộ GTVT)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Stt	Tên chương trình, dự án	Kế hoạch theo QĐ 3245/QĐ-BGTVT ngày 17/10/2016			Điều chỉnh			Ghi chú
		Nguồn vốn	Kinh phí dự kiến	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn	Kinh phí dự kiến	Thời gian thực hiện	
A.	Nguồn vốn đầu tư của Công ty							
I.	Xây dựng trụ sở Công ty	Nguồn vốn khấu hao, xây dựng cơ bản, quỹ đầu tư phát triển và các nguồn vốn hợp pháp khác	85.000	2016-2018	Nguồn vốn khấu hao, xây dựng cơ bản, quỹ đầu tư phát triển và các nguồn vốn hợp pháp khác	85.000	2019-2020	
II.	Xây dựng trung tâm đào tạo, chăm sóc sức khỏe, nơi lưu trú cho người lao động tại các đơn vị về Công ty làm việc, học tập và đào tạo tại Hải Phòng	Nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh, nguồn vốn tái đầu tư và quỹ phúc lợi	7.000	2016-2017	Nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh, nguồn vốn khấu hao và quỹ phúc lợi	7.000	2017-2019	
III.	Bổ sung năng lực hệ thống AIS giám sát ven biển	Nguồn vốn khấu hao, xây dựng cơ bản, quỹ đầu tư phát triển và các nguồn vốn	5.000	2015-2016	Nguồn vốn khấu hao, xây dựng cơ bản, quỹ đầu tư phát triển và các nguồn vốn hợp	5.000	2015-2016	Đã thực hiện xong

Stt	Tên chương trình, dự án	Kế hoạch theo QĐ 3245/QĐ-BGTVT ngày 17/10/2016			Điều chỉnh			Ghi chú
		Nguồn vốn	Kinh phí dự kiến	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn	Kinh phí dự kiến	Thời gian thực hiện	
		hợp pháp khác			pháp khác			
IV.	Xây dựng trụ sở làm việc Đài TTDH Quy Nhơn	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	10.000	2015-2018	Nguồn vốn khấu hao	5.000	2016-2018	Đã thực hiện xong
B.	Nguồn vốn NSNN và các nguồn vốn khác							
I.	Nâng cao năng lực hệ thống TTDH sử dụng sóng vô tuyến mặt đất							
1.	Thiết lập mới Đài TTDH tại quần đảo Trường Sa	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	90.000	2016-2020	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	90.000	2019-2020	
2.	Bổ sung năng lực và thiết lập hạ tầng kỹ thuật cho các Đài TTDH Huế, Quy Nhơn	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	20.000	2015-2018				Hạng mục Đài TTDH Huế điều chuyển sang giai đoạn sau 2020. Hạng mục xây dựng trụ sở Đài TTDH Quy Nhơn (kinh phí 05 tỷ đồng) điều chuyển sử dụng nguồn vốn Công ty.
3.	Thiết lập mới Đài TTDH tại Nam Định	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	12.000	2017-2018				Chưa thực hiện, điều chuyển sang giai đoạn sau 2020
4.	Thiết lập các Đài thu dự	NSNN và các	48.000	2017-2018				Chưa thực hiện,

Stt	Tên chương trình, dự án	Kế hoạch theo QĐ 3245/QĐ-BGTVT ngày 17/10/2016			Điều chỉnh			Ghi chú
		Nguồn vốn	Kinh phí dự kiến	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn	Kinh phí dự kiến	Thời gian thực hiện	
	phòng nhằm nâng cao chất lượng thông tin tại 04 khu vực: (1) từ Quảng Ninh đến Hà Tĩnh; (2) từ Quảng Bình đến Quy Nhơn; (3) từ Phú Yên đến Ninh Thuận; (4) từ Bình Thuận đến Kiên Giang	nguồn vốn hợp pháp khác						điều chuyển sang giai đoạn sau 2020
5.	Bổ sung năng lực và thiết lập hạ tầng kỹ thuật cho các Đài TTDH: Thanh Hóa, Bến Thủy, Phú Yên, Phan Thiết, Cà Mau, Kiên Giang, Hòn Gai	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	68.000	2017-2018				Chưa thực hiện, điều chuyển sang giai đoạn sau 2020
6.	Bổ sung năng lực Đài TTDH Đà Nẵng	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	25.000	2017-2018				Chưa thực hiện, điều chuyển sang giai đoạn sau 2020
7.	Bổ sung năng lực Đài TTDH Nha Trang	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	10.000	2017-2018				Chưa thực hiện, điều chuyển sang giai đoạn sau 2020
8.	Kết nối và điều khiển liên đài	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	17.000	2017-2018				Chưa thực hiện, điều chuyển sang giai đoạn sau 2020
9.	Thiết lập mới Đài TTDH tại Bến Tre	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	16.000	2019-2020				Chưa thực hiện, điều chuyển sang giai đoạn sau 2020
<b>II.</b>	<b>Dự án ứng dụng công</b>	NSNN và các	50.000	2018-2020				Chưa thực hiện,

Stt	Tên chương trình, dự án	Kế hoạch theo QĐ 3245/QĐ-BGTVT ngày 17/10/2016			Điều chỉnh			Ghi chú
		Nguồn vốn	Kinh phí dự kiến	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn	Kinh phí dự kiến	Thời gian thực hiện	
	nghệ số cho Đài TTDH Hải Phòng và TP Hồ Chí Minh	nguồn vốn hợp pháp khác						điều chuyển sang giai đoạn sau 2020
III.	Dự án thiết lập Đài Vệ tinh Cospas-Sarsat thế hệ mới MEOLUT	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	120.000	2016-2020	Nguồn vượt thu phí bảo đảm hàng hải lũy kế đến ngày 31/12/2016 để đầu tư 05 dự án cấp bách ngành hàng hải theo văn bản số 13925/VPCP- KTTH ngày 30/12/2017 của Văn phòng Chính phủ về việc danh mục các nhiệm vụ, dự án cấp bách ngành hàng hải	120.000	2018-2020	Được phê duyệt tại Quyết định số 1349/QĐ-BGTVT ngày 27/6/2018 về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Thiết lập đài vệ tinh Cospas-Sarsat thế hệ mới MEOLUT
IV	Dự án nâng cao năng lực Đài vệ tinh Inmarsat	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	50.000	2016-2020				Điều chuyển sang giai đoạn sau năm 2020 theo lộ trình phát triển của Inmarsat



**PHỤ LỤC II**  
**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ NHÓM A, B HÀNG NĂM**  
**CỦA CÔNG TY TNHH MTV THÔNG TIN ĐIỆN TỬ HÀNG HẢI VIỆT NAM**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2530 /QĐ-BGTVT ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Bộ GTVT)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Stt	Tên chương trình, dự án	Quy mô	Nhóm	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện
1.	Xây dựng trụ sở Công ty	9 tầng	B	85.000	Nguồn vốn khấu hao, xây dựng cơ bản, quỹ đầu tư phát triển và các nguồn vốn hợp pháp khác	2019-2020



### PHỤ LỤC III

**Điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2019 -2020**  
**của Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2530 /QĐ-BGTVT ngày 22 tháng 11 năm  
2018 của Bộ GTVT)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	2019		2020	
		Quyết định 3245/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh	Quyết định 3245/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh
1.	Vốn chủ sở hữu	384.387	<b>384.387</b>	384.387	<b>384.387</b>
2.	Vốn điều lệ	381.085	<b>381.085</b>	384.387	<b>384.387</b>
3.	Nộp ngân sách Nhà nước	16.200	<b>15.000</b>	16.400	<b>15.000</b>
4.	Tổng doanh thu	453.260	<b>350.000</b>	494.054	<b>352.000</b>
5.	Lợi nhuận trước thuế	31.000	<b>29.150</b>	32.000	<b>29.200</b>
6.	Lợi nhuận sau thuế	24.800	<b>23.320</b>	25.600	<b>23.360</b>
7.	Nộp ngân sách nhà nước	16.200	<b>15.000</b>	16.400	<b>15.000</b>
8.	Thu nhập BQ (triệu đồng/người/tháng)	9,2	<b>9,2</b>	9,5	<b>9,5</b>